**BÀI 2 – NHỮNG BÍ ẨN CỦA THẾ GIỚI TỰ NHIÊN**

**Thời gian thực hiện**: 12 tiết

Tiết 14,15

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**-** Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; nhận biết và phân tích được cách trình bày thông tin trong văn bản như: theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu.

- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản; phân tích được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại, đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản cụ thể.

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp; nhận biết được các phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, sơ đồ.

- Viết được văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên; nêu được những thông tin quan trọng; trình bày mạch lạc, thuyết phục.

- Nắm bắt được nội dung chính mà nhóm trao đổi, thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Bước đầu viết được văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, nêu được những thông tin quan trọng, mạch lạc, thuyết phục

- Nghe và nắm bắt được nội dung chính mà nhóm trao đổi, thảo luận và trình bày lại được nội dung đó

**3. Phẩm chất:**

- Yêu quý và bảo vệ thiên nhiên

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**  
**1.Thiết bị :   
-** Máy tính   
- Ti vi - Phiếu học tập   
- Bảng phụ  **2. Học liệu:**- Tri thức Ngữ văn  
- Tranh ảnh minh họa liên quan bài học- Đoạn video   
- Tư liệu Văn học **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **A. KHỞI ĐỘNG** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi phát vấn: *Sự kì bí của thế giới tự nhiên gợi cho em suy nghĩ gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS chia sẻ cảm nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn vào chủ đề bài học |  |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học* trong SGK (trang 30) và dẫn HS vào chủ điểm của bài học.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc phần giới thiệu bài học  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS chia sẻ, trả lời các câu hỏi gợi mở của GV trước lớp, yêu cầu HS cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia thảo luận của cả lớp.  - GV chốt kiển thức về chủ đề bài học 🡺 Ghi lên bảng. | **I. Giới thiệu bài học.**  - Chủ đề 2: Em đã bao giờ tự hỏi: Bầu trời đêm chứa đựng điều kì diệu gì và trong lòng đại dương có những hiện tượng bí ẩn nào mà chúng ta chưa biết đến? Nhật thực khác với nguyệt thực như thế nào? Vì sao đàn chim lại bay theo hình chữ V?....Thế giới tự nhiên chứa đựng bao điều bí ẩn đang chờ chúng ta khám phá.  Những văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên trong bài học này sẽ đưa em vào hành trình thú vị để khám phá những bí ẩn của thế giới vốn rất đẹp và phong phủ quanh ta. |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái niệm của văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên  *+ Hãy kể tên một số hiện tượng tự nhiên mà em biết?*  *+ Em hãy nêu cách hiểu của mình về văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn.  - HS nghe câu hỏi, đọc phần *Tri thức ngữ văn* và hoàn thành trả lời câu hỏi chắt lọc ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  và mối liên hệ giữa các yếu tố này.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 31) về cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS ghi chép tóm lược cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **II. Tri thức Ngữ văn**  **1/ Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên**  Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên được viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên. Kiểu văn bản này thường xuất hiện trong các tài liệu khoa học với các dạng như: giải thích trình tự diễn ra các hiện tượng tự nhiên, giải thích nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của hiện tượng tự nhiên, so sánh sự giống và khác nhau giữa các hiện tượng tự nhiên, giải thích cách tiếp cận và giải quyết một vấn đề trong thế giới tự nhiên.  - Phần mở đầu: Giới thiệu khái quát về hiện tượng hoặc quá trình xảy ra hiện tượng  **2. Cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu**  - Văn bản có cấu trúc so sánh và đối chiếu trình bày điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều sự vật theo các tiêu chí so sánh cụ thể:  **3. Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.**  - Đoạn văn là đơn vị tạo nên văn bản, thường do nhiều cân tạo thành, bắt đầu từ chữ viết hoa lùi vào đầu dòng, kết thúc bằng dấu ngắt đoạn. Câu chủ đề trong đoạn văn mang nội dung khái quát, thường đứng đầu hoặc cuối đoạn.  + Đoạn văn diễn dịch:  + Đoạn văn quy nạp:  + Đoạn văn song song  + Đoạn văn phối hợp: |

|  |  |
| --- | --- |
| **BẠN ĐÃ BIẾT GÌ VỀ SÓNG THẦN** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi:*  *+ Văn bản Bạn đã biết gì về sóng thần thuộc thể loại nào?*  *+ Xác định mục đích viết của văn bản trên.*  *+ Xác định cấu trúc của văn bản trên.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  - Văn bản trên thuộc thể loại: văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.  - Mục đích của văn bản là giúp cho người đọc nắm bắt và hiểu rõ hơn những thông tin về sóng thần (định nghĩa, cơ chế hình thành, nguyên nhân và dấu hiệu nhận biết sóng thần)  - Cấu trúc: 3 phần.  +  Mở bài: từ đầu đến “năm 1958 cao đến 525m” - giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra hiện tuợng sóng thần.  + Nội dung: tiếp đến “khi sóng thần đến” - giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng sóng thần.  + Kết thúc: Còn lại - trình bày sự việc cuối của hiện tượng sóng thần. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Sóng thần là gì?*  *+ Chúng ta có dễ dàng nhận thấy dấu hiệu báo trước của sóng thần hay không? Vì sao?*  *+ Cơ chế hình thành sóng thần diễn ra như thế nào?*  *+ Trình bày quá trình dịch chuyển của sóng thần.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | ***1. Giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra hiện tuợng sóng thần.***  - Sóng thần là chuỗi sóng biển chu kì dài, lan truyền với vận tốc lớn.  - Sóng thần không phải là những ngọn sóng ầm ầm, cuồn cuộn tiến về đất liền mà ta có thể mục kích và nghe được âm thanh. Ngay cả khi ngồi trên thuyển ở ngoài khơi, bạn cũng không thể biết trước sóng thần bắt đầu xuất hiện.  = > Không thể nhận thấy dấu hiệu báo trước của một đợt sóng thần.  - Cơ chế hình thành sóng thần:  + Sự thay đổi của mảng kiến tạo gây ra một trận động đất và làm dịch chuyển nước biển.  + Những con sóng được tạo ra và di chuyển ra mọi hướng trên biển, một số con sóng di chuyển nhanh.  + Khi vào vùng nước nông, những con sóng bị nén ép lại, tốc độ chậm hơn và trở nên cao hơn.  + Chiều cao của những con sóng tăng lên và những dòng biến cố có liên quan được tăng cường, tất cả đã trở thành mối đe dọa đến tính mạng và tài sản của con người.  - Quá trình dịch chuyển của sóng thần:  Khi sóng thần được tạo ra ở ngoài khơi xa, sóng còn rất nhỏ và yếu vì nước quá sâu, khi sóng thần dịch chuyển trên đại dương, chiều dài từ chóp sóng trước đến chóp sóng sau có thể cách xa hàng trăm ki – lô – mét hoặc hơn và độ cao chóp sóng chỉ khoảng vài mét.  = > Sóng thần hiện nguyên hình với sức mạnh hủy diệt khi nó đển gần bờ.  ***2. Giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng sóng thần.***  - Nguyên nhân: Chủ yếu là do động đất, ngoài ra còn do núi lửa phun trào, lở đất và các vụ nổ dưới đáy biển (kể cả vị thử hạt nhân dưới nước) …  +  Thảm họa sóng thần 26/12/2004 là hê quả của trận động đất do va chạm giữa mảng Ấn Độ và mảng Bơ – ma. Trận động đất với 9 độ rích-te, tâm chấn động sâu tới 10km.  - Dấu hiệu nhận biết sắp có sóng thần là:  + Dấu hiệu đầu tiên là nước biển chậm chạp cuộn lên với những con sóng không đổ, chứ không như sóng mạnh của một cơn bão sắp tới.  + Mặt biển dao động nhiều hơn bình thường, sau đó nhiều bọt biển nổi lên, nước rút xuống nhanh và bất ngờ trong khoảng thời gian không phải thủy triều.  + Hoặc có thể cảm thấy nước trong từng đợt sóng nóng bất thường và nghe thấy những âm thanh lạ.  ***3. Sự việc cuối của hiện tượng sóng thần***.  - Sự việc cuối cùng của hiện tượng sóng thần chính là các thảm họa để lại.  - Một số thảm họa sóng thần trong lịch sử là:  + Năm 365, sóng thần tại Alexandria làm hàng nghìn người thiệt mạng.  + 27/8/1883 sóng thần tai hại nhất, sau khi núi lửa Krakatoa tại Indonesia phun trào khiến 36000 người thiệt mạng trên bờ biển Gia-va và Sumatra.  + 15/6/1896 sóng thần cao 23m làm hơn 26000 người thiệt mạng trong một lễ hội tôn giáo ở Nhật Bản.  + 22/5/1960 sóng thần cao 11m làm hơn 1000 người thiệt mạng ở Chile.  +16/8/1960 hơn 5000 người chết tại vịnh Moro, Philipin  + Ngày 17/7/1998 sóng thần làm hơn 2100 người chết tại Pa-pua Niu Ghi-nê.  **III. Tổng kết**  ***1. Nghệ thuật***  - Sử dụng ngôn ngữ phi vật thể giúp cho văn bản trở nên sinh động, dễ hiểu.  - Sử dụng cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu đối tượng.  ***2. Nội dung***  - Văn bản giới thiệu những thông tin cơ bản về sóng thần (định nghĩa, cơ chế hình thành, nguyên nhân và dấu hiệu nhận biết sóng thần) đồng thời nêu ra một số thảm họa sóng thần lớn đã xuất hiện trong lịch sử nhân loại. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: *Sau khi học xong văn bản, em hãy đưa ra những giải pháp giúp hạn chế những thiệt hại do sóng thần gây ra?*  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***Sau khi học xong văn bản, em hãy đưa ra những giải pháp giúp hạn chế những thiệt hại do sóng thần gây ra?***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| Sử dụng SGK, kiến thức đã học để thiết kế áp phích để hướng dẫn mọi người những việc cần làm khi xảy ra sóng thần  **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS thực hiện trên giấy A4  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

Tiết 16,17

**SAO BĂNG LÀ GÌ VÀ NHỮNG ĐIỀU BẠN CẦN BIẾT VỀ SAO BĂNG?**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **A. KHỞI ĐỘNG** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi: “Em đã biết gì về sao băng và muốn biết thêm điều gì về nó, hãy điều vào bảng KWL sau đây nhé!”  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS. |  |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi:*  *+ Văn bản Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng? thuộc thể loại nào?*  *+ Xác định mục đích viết của văn bản trên.*  *+ Xác định cấu trúc của văn bản trên.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  - Văn bản trên thuộc thể loại: văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.  - Mục đích của văn bản là để người đọc cập nhật thông tin cơ bản về sao băng và mưa sao băng.  - Cấu trúc: 2 phần.  + Phần 1: Giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra sao băng và hiện tuợng mưa sao băng.  + Phần 2: Giải thích nguyên nhân diễn ra hiện tượng sao băng, mưa sao băng và sự việc cuối của hiện tượng mưa sao băng. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1: Thực hiện cá nhân**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Sao băng là gì?*  *+ Thế nào là mưa sao băng*  *+ Mỗi trận mưa sao băng theo kéo dài bao lâu?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **Nhiệm vụ 2: Thực hiện cá nhân**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo Phiếu học tập số 1 ***(phần phụ lục)***  *+ Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng sao băng và mưa sao băng là gì?*  *+ Chỉ ra cách thức diễn ra hiện tượng sao băng và mưa sao băn.*  *+ Trình bày một số sự việc cuối của hiện tượng sao băng, mưa sao băng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.**  **Nhiệm vụ 3: Thảo luận nhóm đôi**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+**Sự việc cuối cùng của hiện tượng sóng thần là gì?*  *+ Trình bày những sự việc cuối cùng của hiện tượng trong thần trong lịch sử.*  *+ Văn bản đã sử dụng (những) loại phương tiện phi ngôn ngữ nào? Ý nghĩa của việc sử dụng (những) loại phương tiện ấy trong văn bản là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra sao băng và hiện tuợng mưa sao băng.***  - Sao băng thực chất là đường nhìn thấy của các thiên thạch khi chúng đi vào bầu khí quyển Trái Đất với vận tốc rất lớn (khoảng 100 000km/h).  - Mưa sao băng là hiện tượng nhiều sao băng xuất hiện đồng thời hoặc nối tiếp nhau từ chung một điểm xuất phát trên bầu trời.  - Mỗi trận mưa sao băng thường kéo dài trong nhiều ngày, tuy nhiên khoảng thời gian sao băng xuất hiện nhiều nhất lại khá ngắn và trong khoảng cực điểm ấy, số lượng sao quan sát được có thể từ 10 cho đến 100 sao hoặc nhiều hơn nữa.  ***2. Giải thích nguyên nhân diễn ra hiện tượng sao băng, mưa sao băng và sự việc cuối của hiện tượng mưa sao băng.***  - Nguyên nhân: Là do lực ma sát của không khí đốt cháy thiên thạch làm nó phát sáng khi di chuyển.  -  Cách thức diễn ra: Các sao băng đều xuất phát hoặc hướng về một khu vực trên bầu trời. Khu vực đó được gọi là tâm điểm của mưa sao băng.  - Sự việc cuối của hiện tượng sao băng, mưa sao băng là:  + Mưa sao băng Quadrantids: xuất hiện từ ngày 01 đến ngày 05 tháng 1 hằng năm, cực điểm vào ngày 03 đến ngày 04 tháng 01.  + Mưa sao băng Enta Aquarids: xuất hiện từ ngày 19 tháng 4 đến ngày 28 tháng 5 hằng năm, cực điểm vào ngày 05 đến ngày 06 tháng 5.  - Phương tiện phi ngôn ngữ văn bản đã sử dụng:  + Hình ảnh giúp cho người đọc dễ dàng hình dung được hiện tượng muốn nói đến.  + Số liệu giúp văn bản mang tính xác thực và chính xác hơn.  **III. Tổng kết**  ***1. Nghệ thuật***  - Sử dụng ngôn ngữ phi vật thể giúp cho văn bản trở nên sinh động, dễ hiểu.  - Sử dụng cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu đối tượng.  ***2. Nội dung***  - Giải thích và trình bày cơ chế, nguyên nhân dẫn đến sao băng và mưa sao băng. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: hoàn thành câu hỏi 4 (trang 40 – SGK) vào vở  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Câu 4 (trang 40 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Xác định cách trình bày thông tin của các đoạn văn sau và cho biết tác dụng của chúng:  a. Sao băng thực chất là đường nhìn thấy của các thiên thạch… tạo nên những hố lòng chảo sâu trên lục địa.  b. Mỗi năm có rất nhiều trận mưa sao băng… cực điểm vào 12-13/12.  c. Sao băng là sự xuất hiện ngẫu nhiên của các thiên thạch trên bầu trời… hầu hết các trận mưa sao băng có chu kì là một năm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| Sử dụng SGK, phương tiện internet tìm và xem một số video về sao băng  **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  Tìm và xem video clip về một trận mưa sao băng trên Internet. Sau đó, trình bày cảm xúc, suy nghĩ của em về video clip đó.  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS thực hiện nêu những việc làm cụ thể trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

**Tiết 18 MƯA XUÂN II**

**(Nguyễn Bính)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **A. KHỞI ĐỘNG** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức hoạt động “Điều em muốn nói”  - Giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ trả lời cho câu hỏi ***Trong bốn mùa, em thích nhất là mùa nào? Vì sao?***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ cảm nhận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV động viên tất cả HS trong lớp đều tham gia và nộp lại phiếu cho GV  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS. |  |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả***  - Tên: tên khai sinh là Nguyễn Trọng Bính.  - Năm sinh: 1918 - 1966  - Quê quán: Làng Thiện Vịnh, xã Đồng Đội, Vụ Bản, Nam Định.  - 1945 - 1954: tham gia kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ.  - 1954 tập kết ra Bắc, tham gia công tác văn nghệ và làm báo.  - Mất đột ngột 20/01/1966.  - Nguyễn Bính là một người thông minh, nhạy cảm với thời đại đầy biến động, luôn muốn bảo tồn và duy trì những giá trị truyền thống của dân tộc.  - Phong cách thơ Nguyễn Bính: Nguyễn Bính là nhà thơ có hồn thơ đậm chất quê.  + Nhà thơ nhạy cảm với thời đại đầy biến động, đặc biệt là sự xáo trộn của văn chương, ông thể hiện sâu sắc nỗi day dứt không yên của tâm hồn thiết tha với những giá trị cổ truyền đang có nguy cơ bị mai một (Chân quê). Vì thế, Nguyễn Bính đã đào sâu, tích hợp và phát huy một cách xuất sắc những truyền thống dân gian trong sáng tạo Thơ mới. Thơ ông mang đậm chất quê, hồn quê trong cả nội dung và hình thức, là sự hòa quyện giữa giọng điệu quê, lối nói quê, lời quê.  - Gắn bó, thấu hiểu con người thôn quê Việt Nam.  Dù viết về hình ảnh, cảnh sắc, con người nào thì tất cả đều thắm đượm một tình quê, duyên quê, hồn quê....  - Ông làm thơ từ rất sớm (năm 13 tuổi), sáng tác nhiều thể loại (thơ, truyện thơ, chèo...).  - Các tác phẩm chính:  *Tâm hồn tôi* (1937), *Lỡ bước sang ngang*  (1940), *Mười hai bến nước*(1942), *Truyện thơ Cây đàn Tỳ bà* (1944), *Gửi người vợ miền Nam*(1955) ...  ***2. Tác phẩm***  - Mùa xuân II xuất bản năm 1958, in trong Nguyễn Bính toàn tập – NXB Hội Nhà văn 2017. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Xác định thể thơ của bài thơ.*  *+ Tóm tắt nội dung bài thơ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+**Những hình ảnh nào cho ta thấy tâm trạng và hành động của con người khi mùa xuân đến?*  *+ Những hình ảnh đấy khiến cho bức tranh mùa xuân hiện ra như thế nào?*  *+ Tác giả đã gửi gắm những tâm tư tình cảm gì qua bài thơ trên?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | ***3. Đọc - kể tóm tắt***  - Thể thơ: 7 chữ  - HS tự tóm tắt  **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Vẻ đẹp của thiên nhiên khi mùa xuân đến.***  - Thời gian: chiều ấm  - Cảnh vật:  *+ gió thoảng đưa*  *+ mưa bụi rắc thưa thưa*  *+ tơ nhện vừa giăng sợi trắng ngần*  *+ Lơ lửng mù sương phẩng phất mưa*  + …  => Thể hiện sự tươi mới sống động, vừa hào hứng e lệ trước cảnh sắc mùa xuân. Bầu trời như phủ một sắc trắng mờ ảo của những hạt mưa xuân, chúng đậu trên từng cành cây kẽ lá.  - Thiên nhiên:  *+ cây cam quýt cành giao nối*  *+ lá đón mưa*  + *Đôi bờ cỏ dauh nở hoa xanh*  *+ Bãi lạnh bờ dâu sẫm lá tơ*  *= >*Cây cối trong vườn cũng đua nhau đâm chồi nảy lộc, khoe sắc hưởng ứng mùa xuân.  - Sử dụng từ láy “tà tà”, “thưa thưa”  = > Nhấn mạnh sự e lệ của thiên nhiên.  = > Thiên nhiên như khoác trên mình một chiếc áo mới.  ***= >***Đất trời thì như đang có sự chuyển biến thêm nhiều sức sống hơn, như đang báo hiệu mùa xuân thực sự đến rồi.  **2. Tâm trạng và hành động của con người khi mùa xuân đến.**  - Xa xa là những đàn cò trắng đang xếp hàng bay đi, những đoàn xe lửa thì nối đuôi nhau chở khách.  *+ Xe lửa về Nam chạy chạy mau*  *+ Một toán cò bay thành hàng chữ nhất*  => Tất cả đã tạo nên một bức tranh mùa xuân nhộn nhịp và tràn đầy sức sống.  - Con người cũng hòa vào không khí mùa xuân khi xúng xính váy áo đi trẩy hội. Mỗi dịp xuân đến là đâu đâu cũng tưng bừng mở lễ hội, tiếng trống đánh vang lên khắp các đường làng.  *+ Người đi trẩy hội tóc phơi trần.*  *+ Vang tiếng trống hội đình*  = > Từ hành động của con người ta thấy được tâm trạng: háo hức, hào hứng và vui mừng khi chuẩn bị đón mùa xuân của con người nơi đây.  = > Kết luận:  - Tác giả đã cảm nhận mùa xuân ở tất cả mọi khía cạnh tinh tế, nhạy cảm của mình để cảm nhận mùa xuân đến một cách trọn vẹn nhất.  - Mùa xuân trong thơ Nguyễn Bính lúc nào cũng tràn ngập màu sắc, ngập tràn niềm vui và sự rộn ràng. Tất cả đã tạo nên một khung cảnh thiên nhiên hòa hợp với đất trời, báo hiệu một năm đầy khởi sắc.  **III. Tổng kết**  **1.Nghệ thuật**   * Những hình ảnh có sự chuyển nghĩa (Dựng một không gian đời sống; Không gian nghệ thuật, không gian biểu hiện một cách nghệ thuật tâm tưởng của con người) * Những từ ngữ và cách nói mang đậm sắc thái ngôn ngữ dân gian   **2. Nội dung**   * Khắc hoạ bức tranh xuân ấy còn có hình ảnh thiếu nữ với má hồng, mắt trong, duyên dáng đi hội chùa làng. * Cảnh xuân, tình xuân được nhà thơ nói đến rất bình dị, mộc mạc, rất thân thuộc. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhân của em về bức tranh thiên nhiên trong văn bản trên  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Viết đoạn văn ngắn (Khoảng 7- 9 câu) nêu cảm nhân của em về bức tranh thiên nhiên trong văn bản trên**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |  |
| Sử dụng SGK, kiến thức đã học viết một đoạn văn ngắn khoảng 10-12 dòng nêu cảm nghĩ của em về tình cảm bà cháu trong văn bản trên  **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

Tiết : 19,20 **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**CÁC ĐOẠN VĂN DIỄN DỊCH, QUY NẠP, SONG SONG, PHỐI HỢP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **A. KHỞI ĐỘNG** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi phát vấn “ Em hãy nêu cách hiểu của mình về các cụm từ: diễn dịch – quy nạp – song song – phối hợp”  - GV yêu cầu học sinh tổ chức thảo luận nhóm đôi  - GV gọi đại diện nhóm chia sẻ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ câu trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - Phần trả lời của học sinh  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới |  |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **1. Cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu**  - Văn bản có cấu trúc so sánh và đối chiếu trình bày điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều sự vật theo các tiêu chí so sánh cụ thể:  + So sánh và đối chiếu các đối tượng theo từng tiêu chí.  + So sánh tổng thể các đối tượng: Người viết lần lượt trình bày biểu hiện của tất cả các tiêu chí ở từng đối tượng.  - Văn bản trình bày thông tin theo cách so sánh và đối chiếu có thể sử dụng một số từ ngữ chỉ sự giống nhau (giống, mỗi, cũng…) và khác nhau (khác với, nhưng, mặt khác…)  hoặc sử dụng một số kiểu sơ đồ, bảng biểu để làm rõ thông tin được so sánh, đối chiếu.  **2. Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.**  -  Đoạn văn là đơn vị tạo nên văn bản, thường do nhiều cân tạo thành, bắt đầu từ chữ viết hoa lùi vào đầu dòng, kết thúc bằng dấu ngắt đoạn. Câu chủ đề trong đoạn văn mang nội dung khái quát, thường đứng đầu hoặc cuối đoạn.  + Đoạn văn diễn dịch: là đoạn văn có câu chủ đề mang ý khái quát đứng đầu đoạn; các câu còn lại triển khai cụ thể ý của cây chủ đề, bổ sung, làm rõ cho câu chủ đề.  + Đoạn văn quy nạp: là đoạn văn được trình bày đi từ các ý nhỏ đến ý lớn, từ các ý chi tiết đến ý khái quát. Theo cách trình bày này, câu chủ đề nằm ở vị trí cuối đoạn.  + Đoạn văn song song là đoạn văn mà các câu triển khai nội dung song song nhau. Mỗi câu trong đoạn văn nêu một khía cạnh của chủ đề đoạn văn, làm rõ cho nội dung đoạn văn.  + Đoạn văn phối hợp: là đoạn văn có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 41 - 42  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Bài tập SGK trang 41 - 42  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| Sử dụng SGK, kiến thức đã học viết đoạn văn ngắn sử dụng kiểu đoạn văn quy nạp hoặc diễn dịch  **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

**Tiết 21 NHỮNG ĐIỀU BÍ ẨN TRONG TẬP TÍNH DI CƯ CỦA CÁC LOÀI CHIM**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi: ***Em có từng tò mò về giống loài và cách sống của những chú chim hay không? Em hãy thử hình dung cuộc sống của những chú chim đó.***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ cảm nhận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới | |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi:*  *+ Văn bản Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim thuộc thể loại nào?*  *+ Xác định mục đích viết của văn bản trên.*  *+ Xác định cấu trúc của văn bản trên.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  - Văn bản trên thuộc thể loại: văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.  - Mục đích của văn bản là để người đọc cập nhật thông tin về việc di cư của các loài chim theo mùa.  - Cấu trúc: 2 phần.  + Phần 1: Từ đầu đến “phong phú hơn”: Giải thích vì sao chim có tập tính di cư.  + Phần 2: Còn lại: Lí giải việc chim di cư theo đội hình. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1: HOẠT ĐỘNG “KHĂN TRẢI BÀN”**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  + *Thời gian và chiều chim di cư?*  *+ Ban đầu người ta cho rằng chim di cư là để làm gì?*  *+ Vậy chim di cư vì lí do gì?*  *+Chim di cư bay theo đội hình nào? Nguyên nhân nào khiến những loài chim bay theo đội hình ấy?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Giải thích vì sao chim có tập tính di cư.***  - Chim di cư vào mùa đông mỗi năm, theo chiều bắc nam giữa nơi sinh sản và nơi trú đông cách xa hàng ngàn hoặc thâm chí hàng chục ngàn ki-lô-mét.  - Ban đầu, mọi người nghĩ rằng chim di cư là để tránh cái lạnh của mùa đông.  - Lí do di cư của loài chim là vì tình trạng thiếu lương thực xảy ra ở một số khu vực trong thời tiết lạnh, buộc chúng phải rời khỏi nhà, di chuyển đến những khu vực có nhiệt độ cao và lượng thức ăn phong phú hơn.  ***2. Lí giải việc chim di cư theo đội hình.***  - Chim di cư bay theo đội hình chữ V.  -  Nguyên nhân:  + Đội hình chữ V được xem là đội hình tối ưu về mặt khí động lực học, con chim bay ở đầu mũi tên hay hình chữ V thường là chim đầu đàn và khỏe hơn hẳn những con phía sau.  + Khi bay theo đội hình chữ V, các chú chim thường tận dụng luồng không khi di qua cánh: luồng khí hướng lên từ phía dưới lên mép sau của đôi cánh giữ cho chúng ở trên không trung mà không phải quạt cánh vất vả.  + Khi bay, con chim đầu đàn vỗ cánh làm cho không khí hai bên cánh chuyển động, luồng khí này truyền ra sau. Những con phía sau sẽ nhận luồng khí có lợi từ con đầu đàn và giảm thiểu luồng khí hướng xuống bất lợi nhằm hạn chế việc hao tốn sức lực trong thời gian dài.  + Ngoài ra việc bay hình chữ V còn giúp đàn chim giữ liên lạc tốt hơn vì những con chim bay sau sẽ dễ dàng nhìn thấy con chim phía trước = > không bị lạc đàn khi chim đầu đàn ra tín hiệu dừng nghỉ hoặc đổi hướng bay.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  - Giải thích lí do loài chim có tập tính di cư và trả lời câu hỏi tại sao loài chim khi di cư lại bay theo đội hình.  ***2. Nghệ thuật***  - Sử dụng ngôn ngữ phi vật thể giúp cho văn bản trở nên sinh động, dễ hiểu.  - Sử dụng cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu đối tượng. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ trả lười câu hỏi 4 – trang 46 – sgk  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Câu 4 (trang 46 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Xác định cách trình bày thông tin của đoạn trích: “Hằng năm cứ vào mùa đông, nhiều loài chim lại kéo nhau bay về phương nam để tránh rét và tìm kiếm thêm thức ăn… mỗi chiếc bay sau có thể tiết kiệm tối đa 18% lượng nhiên liệu”. Dựa vào đâu em có thể xác định như vậy?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| Sử dụng SGK, kiến thức đã học để *thực hiện vẽ sơ đồ*  Vận dụng kiến thức đã học về văn bản *vẽ sơ đồ hệ thống các thông tin cơ bản trong văn bản trên* |  |

**Tiết 22,23 VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH GIẢI THÍCH MỘT HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **A. KHỞI ĐỘNG** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ về một hiện tượng tự nhiên em đã được chứng kiến hoặc có ấn tượng  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ, chuẩn bị để chia sẻ trước lớp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá kết quả  - GV dẫn vào bài học mới |  |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS theo dõi sách giáo khoa trang 46 và đặt câu hỏi:  + *Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên là gì?*  *+ Theo em khi viết một văn bản thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên chúng ta cần lưu ý gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 3 – 4 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức một số điểm cần lưu ý khi làm một bài thơ. | ***1.* *Khái niệm:***  Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên thuộc kiểu văn bản thông tin, được viết để cung cấp thông tin cho người đọc về nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên.  ***2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản:***  - Giới thiệu khái quát hiện tượng tự nhiên cần giải thích.  - Giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.  - Trình bày thông tin theo một số kiểu cấu trúc như: trật tự thời gian, mức độ quan trọng của đối tượng, mối quan hệ nhân quả hoặc so sánh, đối chiếu.  - Có thể dùng thông tin chi tiết, đề mục và các dấu hiệu hình thức (in đậm, in nghiêng, số thứ tự…) để làm nổi bật thông tin quan trọng.  - Có thể sử dụng kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ (sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh…) để minh họa và làm nổi bật thông tin quan trọng.  - Trình bày mạch lạc, thuyết phục, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.  - Cấu trúc thường gồm ba phần:  + Phần mở đầu: Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên muốn giải thích.  + Phần nội dung: giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.  + Phần kết thúc: có thể trình bày sự việc cuối/ kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích. |

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu và phân tích bài Nhật thực và nguyệt thực khác nhau như thế nào? (Theo Nhật thực và nguyệt thực khác nhau như thế nào?)  - GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi:  *Câu 1****:****Xác định bố cục của bài viết và nội dung chính của từng phần.*  *Câu 2: Các đề mục có mối quan hệ như thế nào với nhan đề? Nhận xét về hình thức trình bày nhan đề, các đề mục và tác dụng của chúng.*  *Câu 3: Tác giả in đậm những từ ngữ nào? Mục đích in đậm là gì?*  *Câu 4: Tác giả chủ yếu chọn cách trình bày thông tin như thế nào trong bài viết trên? Dựa vào đâu em có thể xác định được như vậy? Hiệu quả của cách trình bày đó là gì?*  *Câu 5: Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ của bài viết.*  *Câu 6: Bài viết đã sử dụng loại phương tiện phi ngôn ngữ nào? Chỉ ra hiệu quả và cách thức trình bày của loại phương tiện ấy trong văn bản.*    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.      **\*Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Theo em khi viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên chúng ta cần thực hiện theo mấy bước? Là những bước nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | ***2. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản***  ***Câu 1:***  - Bố cục 3 phần:  + Phần mở đầu: Giới thiệu chung về hiện tượng tự nhiên muốn giải quyết.  + Phần nội dung: Giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.  + Phần kết bài: Tóm tắt nội dung đã giải thích.  ***Câu 2:***  - Các đề mục có mối liên hệ bổ sung chặt chẽ với nhan đề.  -  Hình thức trình bày nhan đề và các đề mục: rõ ràng, dễ hiểu.  = > Tác dụng: giúp giải thích và diễn giải nội dung nhan đề muốn nhắc đến.  ***Câu 3:***  - Tác giả in đậm những từ ngữ: “nhật thực”, “nguyệt thực”.  = > Mục đích: nhấn mạnh và làm nổi bật nội dung văn bản muốn đề cập.  ***Câu 4:***  - Tác giả chủ yếu chọn cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh, đối chiếu.  Dựa vào các từ ngữ: “Tuy nhiên”, “sự khác nhau”.  = > Cách trình bày nhằm giúp cho người đọc, người nghe hiểu rõ và xác định chính xác đối tượng cần tìm hiểu, tránh sai lệch hiểu nhầm thông tin.  ***Câu 5:***  - Từ ngữ được sử dụng trong bài viết thuộc các từ ngữ chuyên ngành môn thiên văn học, dễ nghe, dễ hiểu và gần gũi với đời sống thường ngày.  ***Câu 6:***  Phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng: Hình ảnh  = > Giúp cho người đọc dễ hình dung và phân biệt được hai hiện tượng nguyệt thực và nhật thực được nhắc đến trong bài.    ***3. Hướng dẫn quy trình viết***  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  - Đọc kĩ đề bài và xác định vấn đề, kiểu bài, độ dài của bài viết.  - Xác định mục đích viết, người đọc và mong đợi của họ về bài viết.  - Chọn nội dung trình bày và cách viết phù hợp.  - Tìm đọc tư liệu về hiện tượng tự nhiên mà em muốn giải thích trên Internet, tạp chí… hoặc tham khảo ý kiến của các nhà nghiên cứu.  - Tìm hiểu yêu cầu của các cuộc thi, các tờ báo, trang web mà bài viết cần đáp ứng.  **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**  - Đọc kĩ tư liệu về hiện tượng tự nhiên mà em sẽ giải thích, đánh dấu những thông tin quan trọng…  - Ghi chép thông tin về hiện tượng tự nhiên trong quá trình đọc:  + Tên hiện tượng  + Thông tin về hiện tượng  + Kết quả của hiện tượng  - Dựa trên bố cục của bài thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên và phiếu ghi chép, lập sơ đồ dàn ý cho bài viết.  + Phần mở đầu: Nêu tên hiện tượng tự nhiên  Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên  + Phần nội dung: Giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.  + Phần kết thúc: trình bày sự việc cuối/ kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung đã giải thích.  **Bước 3: Viết bài**  - Triển khai bài viết dựa trên dàn ý. Khi viết chú ý:  + Đảm bảo cấu trúc ba phần của bài viết  + Đặt nhan đề giới thiệu tên của hiện tượng tự nhiên thu hút sự chú ý của người đọc.  + Tóm tắt thông tin quan trọng của từng đoạn/ phần bằng hệ thống các đề mục.  + Có thể đặt một số câu hỏi ở phần mở đầu và trả lời cho những câu hỏi đó ở các phần tiếp theo của bài viết tạo sự mạch lạc thu hút người đọc.  + Kết hợp các cách trình bày thông tin khác nhau: in đậm/ in nghiêng/ gạch chân… để làm nổi bật thông tin quan trọng.  **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  - Dùng bảng kiểm bên dưới để kiểm tra chất lượng bài viết:  (Phụ lục) |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| HS thực hành viết bài  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***Viết bài***  - GV yêu cầu HS hoàn thành bài làm  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu GV giao.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu HS hoàn thiện bài viết và chuẩn bị nộp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS. |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 HS lên kiểm phiếu để nêu bài thơ được bình chọn là bài thơ hay nhất của lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS. |  |

**Tiết 24 NGHE VÀ NẮM BẮT NỘI DUNG CHÍNH TRONG THẢO LUẬN NHÓM, TRÌNH BÀY LẠI NỘI DUNG ĐÓ**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **A. KHỞI ĐỘNG** | |
| + *Hãy nêu những hiểu biết của em liên quan đến việc tóm tắt ý chính do người khác trình bày. Việc tóm tắt ý chính do người khác trình bày có ý nghĩa như thế nào? Hãy nêu các trường hợp sử dụng và cách thức thực hiện kĩ năng liên quan đến việc tóm tắt ý chính do người khác trình bày.*  *+ Em muốn tìm hiểu thêm điều gì liên quan đến chủ đề này?*  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.  - GV dẫn vào bài học |  |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định nội dung nghe.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nghe và trình bày.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **Bước 1: Chuẩn bị nghe**  - Tìm hiểu kĩ về đề tài thảo luận, trao đổi của nhóm.  - Liệt kê những gì em đã biết và muốn biết thêm về đề tài này  - Chuẩn bị bút, giấy để ghi chép.  **Bước 2: Lắng nghe và nắm bắt nội dung chính**  - Tập trung lắng nghe nội dung trao đổi giữa các thành viên trong nhóm  - Tránh ngắt lời người nói  - Tìm kiếm những dấu hiệu ngôn ngữ để nắm bắt nội dung chính của người nói.  - Quan sát nét mặt, cử chỉ, ánh măt, lắng nghe giọng điệu của người nói để hiểu quan điểm của họ về vấn đề đang trao đổi.  - Ghi ngắn gọn những vấn đề có nhiều ý kiến trao đổi, những vấn đề nhóm đã hoặc chưa thống nhất bằng từ khóa, cụm từ, kí hiệu…  - Ghi tóm tắt ý kiến/ quan điểm cá nhân, những vấn đề cần trao đổi thêm với nhóm.  **Bước 3: Trình bày lại những nội dung chính đã trao đổi, thảo luận**  - Xác định lại với các thành viên trong nhóm về nội dung đã tóm tắt, ghi chép và điều chỉnh.  - Xác định rõ mục đích, người nghe, không gian và thời gian trình bày lại nội dung của cuộc trao đổi, thảo luận.  - Đọc lại, sắp xếp các nội dung đã ghi chép theo một trình tự hợp lí để thuận tiện cho việc trình bày và phản ánh chính xác, đầy đủ nội dung cốt lõi, mối tương quan giữa các ý kiến của cuộc trao đổi, thảo luận. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm mà GV đã chia để thống nhất các tiêu chí đánh giá **kĩ năng nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm để xác định các tiêu chí đánh giá một bài tóm tắt ý chính cho người khác trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả hoạt động của nhóm mình, yêu cầu các nhóm khác nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt tiêu chí. | **- Các tiêu chí đánh giá một bài tóm tắt ý chính do người khác trình bày**  Xem ở bảng kiểm |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Hoàn thành bài nói và nghe  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Thực hiện hoàn thành bài nói và nghe  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp. |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS điền thông tin trả lời cho những thắc mắc của mình trong phiếu học tập đã được phát lúc đầu giờ vào cột L. GV hướng dẫn HS: *Các em hãy điền thông tin trả lời cho những thắc mắc đầu giờ của mình vào cột L phiếu học tập đã được phát. Ngoài việc bổ sung câu trả lời, các em có thể ghi thêm những điều các em cảm thấy thích. Để phân biệt, chúng ta có thể đánh dấu tích vào những ý tưởng trả lời cho câu hỏi ở cột W, với các ý tưởng các em thích, có thể đánh dấu sao.*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **K** | **W** | **L** | |  |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV yêu cầu, sau đó điền thông tin vào cột L.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp. | |

**Tiết 25 : ÔN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **A. KHỞI ĐỘNG** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi: ***Sau khi học xong chủ đề 2, em đã được cung cấp thêm kiến thức liên quan đến nội dung gì?***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá  - GV dẫn vào bài Ôn tập |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**  Hoàn thành các câu hỏi ôn tập  - HS nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), | **Câu 1 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Trình bày đặc điểm của văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.  **Trả lời:**  Đặc điểm của văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên:  - Viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên.  - Có cấu trúc thường gồm 3 phần:  + Phần mở đầu: giới thiệu khái quát hiện tượng và quá trình xảy ra hiện tuợng trong thế giới tự nhiên.  + Phần nội dung: giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng.  + Phần kết thúc: trình bày sự việc cuối của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích.  - Các từ ngữ sử dụng trong văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên thường thuộc một chuyên ngành khoa học cụ thể (địa lí, sinh học…) động từ miêu tả hoạt động hoặc trạng thái, từ ngữ miêu tả trình tự.  **Câu 2 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Tóm tắt hai văn bản Bạn đã biết gì về sóng thần? và Sao băng là gì và những điều cần biết về sao băng? theo các nội dung sau: mục đích viết, nội dung chính, cấu trúc, cách trình bày thông tin, nhan đề và đề mục, thông tin cơ bản và một số thông tin chi tiết, phương tiện phi ngôn ngữ.  **Trả lời:**  - Bạn đã biết gì về sóng thần?  + Mục đích viết: Để người đọc cập nhật thông tin cơ bản về sóng thần.  + Nội dung chính: Giải thích và trình bày cơ chế, nguyên nhân dẫn đến sóng thần.  + Cấu trúc: 3 phần  Mở bài: giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra hiện tuợng sóng thần.  Nội dung: giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng sóng thần.  Kết thúc: trình bày sự việc cuối của hiện tượng sóng thần.  + Cách trình bày thông tin theo cấu trúc: so sánh, đối chiếu.  + Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu.  - Sao băng là gì và những điều cần biết về sao băng?  + Mục đích viết: Để người đọc cập nhật thông tin cơ bản về sao băng và mưa sao băng.  + Nội dung chính: Giải thích và trình bày cơ chế, nguyên nhân dẫn đến sao băng và mưa sao băng.  + Cấu trúc: 3 phần  Mở bài: giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra sao băng và hiện tuợng mưa sao băng.  Nội dung: giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng sao băng và mưa sao băng.  Kết thúc: trình bày sự việc cuối của hiện tượng mưa sao băng.  + Cách trình bày thông tin theo cấu trúc: so sánh, đối chiếu.  + Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu.  **Câu 3 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Xác định cấu trúc và câu chủ đề (nếu có) của đoạn văn sau:  Nhân dân lao động, đặc biệt nông dân là những người gần sen, hiểu sen, yêu sen và giống sen nhiều nhất. Họ đã đưa sen vào ca dao biết bao nhiêu lần, mỗi lần một cách, mà lần nào cũng hay, cũng đẹp. Xét về nội dung và ý nghĩa tượng trưng, ẩn dụ thì hình tượng sen trong nhiều bài ca dao nói chung, cũng như câu “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn” nói riêng, đã phản ánh trung thực lẽ sống cao đẹp của con người Việt Nam từ ngàn đời nay.  (Theo Hoàng Tiến Lựu, Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen”)  **Trả lời:**  - Câu chủ đề: Nhân dân lao động, đặc biệt nông dân là những người gần sen, hiểu sen, yêu sen và giống sen nhiều nhất  - Cấu trúc: diễn dịch.  **Câu 4 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Khi viết văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên, cần lưu ý điều gì?  **Trả lời:**  Khi viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên cần lưu ý:  - Văn bản viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên.  - Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên thường có cấu trúc gồm 3 phần:  + Phần mở đầu: giới thiệu khái quát hiện tượng và quá trình xảy ra hiện tuợng trong thế giới tự nhiên.  + Phần nội dung: giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng.  + Phần kết thúc: trình bày sự việc cuối của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích.  - Các từ ngữ được sử dụng trong văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên phải thuộc một chuyên ngành khoa học cụ thể (địa lí, sinh học…) động từ miêu tả hoạt động hoặc trạng thái, từ ngữ miêu tả trình tự.  **Câu 5 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Chia sẻ những kinh nghiệm em đã thu nhận được về cách nắm bắt nội dung chính khi thảo luận nhóm và trình bày lại những nội dung ấy một cách hiệu quả.  **Trả lời:**  Những kinh nghiệm em đã thu nhận được về cách nắm bắt nội dung chính khi thảo luận nhóm và trình bày lại những nội dung ấy một cách hiệu quả là:  - Đưa ra ý kiến cá nhân.  - Tiếp thu, lắng nghe ý kiến của các thành viên trong nhóm.  - Tham khảo sách báo và những tài liệu có liên quan đến nội dung trình bày.  - Trình bày tự tin  - …  **Câu 6 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Từ những điều đã học trong bài học này, em hãy trả lời câu hỏi: Sự kì bì của thế giới tự nhiên gợi cho em những suy nghĩ gì?  **Trả lời:**  Sự kì bì của thế giới tự nhiên gợi cho em những suy nghĩ:  - Là nơi chứa đựng nhiều bí mật thú vị, bất ngờ của thế giới tự nhiên.  - Chúng ta cần phải đầu tư phát triển ngành khoa học thiên văn để tìm hiểu và phát hiện những điều mới mẻ và đẹp đẽ hơn của thế giới tự nhiên.  - … |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở ***Bài 2***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở ***Bài 2***  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** |  |
| **D– VẬN DỤNG** | |
| **Kể về điều bí ẩn trong thế giới tự nhiên mà em biết?** |  |

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

* + 1. **Chủ đề vừa học:**
  + Hiểu được các hiện tượng tự nhiên
  + Biết cách dựng các đoạn văn
  + Biết viết bài văn thuyết minh về hện tượng tự nhiên
  + Nghe , nói được một vấn đề về hiện tượng tự nhiên

**2. Chủ đề sắp học: sự sống thiêng liêng**

- Tìm hiểu luận đề, và luận điểm trong văn nghị luận

- Đọc, tìm hiểu các văn bản trong bài học 3

- Thực hành tiếng Việt

- Tìm hiểu nghị luận về vấn đề trong đời sống